

平成25年度 国民体育大会東北ブロック予選 フェンシング競技

- 会期 平成25年8月23日・24日・25日
- 会場 米沢市営体育館

最終順位

少年男子フルーレ

順位	県名	戦績				国体出場
1位	宮城県	5	勝	0	敗	○
2位	福島県	3	勝	2	敗	○
3位	岩手県	3	勝	2	敗	
4位	青森県	2	勝	3	敗	
5位	山形県	1	勝	4	敗	
6位	秋田県	1	勝	4	敗	

※2位・3位は指数の差、5位・6位は個人勝数の差による

少年女子フルーレ

順位	県名	戦績				国体出場
1位	秋田県	4	勝	1	敗	○
2位	山形県	4	勝	1	敗	○
3位	宮城県	3	勝	2	敗	○
4位	岩手県	2	勝	3	敗	
5位	青森県	1	勝	4	敗	
6位	福島県	1	勝	4	敗	

※1位・2位、ならびに5位・6位は個人勝数の差による

成年女子

順位	県名	戦績				国体出場
1位	山形県	10	勝	0	敗	○
2位	宮城県	8	勝	2	敗	○
3位	秋田県	6	勝	4	敗	
4位	福島県	2	勝	8	敗	
5位	青森県	2	勝	8	敗	
6位	岩手県	2	勝	8	敗	

※4位・5位・6位は個人勝数の差による

成年女子フールー

平成25年度 国民体育大会東北ブロック予選

No.	1		2		3		4		5		6		VE	VI	TDi	TRi	TDi-TRi	PL		
	TD	TR	TD	TR	TD	TR	TD	TR	TD	TR	TD	TR								
1 宮城県	1	0		7	13	13	8	14	8	15	4	15	8	4	11	64	41	23	2	
		0																		
		V 2																		
		V 3																		
		V 3																		
		V 3																		
2 山形県	2	13	7	10	12	10	15	6	14	5	15	3	5	14	69	31	38	1		
																			1	
																			V 2	
																			V 3	
																			V 3	
																			V 3	
3 秋田県	3	8	13	10	12	15	5	15	5	15	14	6	3	11	62	41	21	3		
																			0	
																			V 3	
																			V 3	
																			V 3	
																			V 3	
4 岩手県	4	8	14	6	15	5	15	8	8	15	5	15	0	0	32	74	-42	6		
																			0	
																			V 3	
																			V 3	
																			V 3	
																			V 3	
5 青森県	5	4	15	5	14	5	15	15	8	14	8	14	1	4	37	66	-29	5		
																			0	
																			V 2	
																			V 3	
																			V 3	
																			V 3	
6 福島県	6	8	15	3	15	6	14	15	5	14	8	8	2	5	46	57	-11	4		
																			0	
																			V 2	
																			V 3	
																			V 3	
																			V 2	

技術委員会署名

成年女子サーグル

平成25年度 国民体育大会東北ブロック予選

No	県名	1		2		3		4		5		6		VE	VI	TDi	TRi	TDi-TRi	PL		
		TD	TR	TD	TR	TD	TR	TD	TR	TD	TR	TD	TR								
1	山形県	1		V3		V3		V2		V3		V2		5	13	70	29	41	1		
		0		TD		TD		TD		TD		TD		1		TD		TR			
		15		4		15		5		11		15		4		14		9			
		TD		TR		TD		TR		TD		TR		TD		TR		TD		TR	
		TR		15		9		13		9		14		8		12		7		13	
		0		V2		1		1		1		V2		1		1		1		0	
		TD		TR		TD		TR		TD		TR		TD		TR		TD		TR	
		4		15		9		13		9		14		8		12		7		13	
		TD		TR		TD		TR		TD		TR		TD		TR		TD		TR	
		TR		15		9		13		9		14		8		12		7		13	
2	福島県	2		V2		V2		V2		V2		V2		0	4	37	67	-30	6		
		0		TD		TD		TD		TD		TD		1		TD		TR			
		4		15		9		13		9		14		8		12		7		13	
		TD		TR		TD		TR		TD		TR		TD		TR		TD		TR	
		TR		15		9		13		9		14		8		12		7		13	
		0		V2		1		1		1		V2		1		1		1		0	
		TD		TR		TD		TR		TD		TR		TD		TR		TD		TR	
		4		15		9		13		9		14		8		12		7		13	
		TD		TR		TD		TR		TD		TR		TD		TR		TD		TR	
		TR		15		9		13		9		14		8		12		7		13	
3	岩手県	3		V2		V2		V2		V2		V2		2	6	47	56	-9	4		
		0		TD		TD		TD		TD		TD		1		TD		TR			
		5		15		13		9		9		10		13		8		7		14	
		TD		TR		TD		TR		TD		TR		TD		TR		TD		TR	
		TR		15		13		9		9		10		13		8		7		14	
		1		V2		V2		V2		V2		V2		1		1		1		0	
		TD		TR		TD		TR		TD		TR		TD		TR		TD		TR	
		5		15		13		9		9		10		13		8		7		14	
		TD		TR		TD		TR		TD		TR		TD		TR		TD		TR	
		TR		15		13		9		9		10		13		8		7		14	
4	秋田県	4		V2		V2		V2		V2		V2		3	8	51	52	-1	3		
		0		TD		TD		TD		TD		TD		1		TD		TR			
		7		11		14		9		10		9		11		10		9		13	
		TD		TR		TD		TR		TD		TR		TD		TR		TD		TR	
		TR		11		14		9		10		9		11		10		9		13	
		1		V2		V2		V2		V2		V2		1		1		1		0	
		TD		TR		TD		TR		TD		TR		TD		TR		TD		TR	
		7		11		14		9		10		9		11		10		9		13	
		TD		TR		TD		TR		TD		TR		TD		TR		TD		TR	
		TR		11		14		9		10		9		11		10		9		13	
5	青森県	5		V2		V2		V2		V2		V2		1	4	37	62	-25	5		
		0		TD		TD		TD		TD		TD		1		TD		TR			
		4		15		12		8		8		13		10		11		3		15	
		TD		TR		TD		TR		TD		TR		TD		TR		TD		TR	
		TR		15		12		8		8		13		10		11		3		15	
		1		V2		V2		V2		V2		V2		1		1		1		0	
		TD		TR		TD		TR		TD		TR		TD		TR		TD		TR	
		4		15		12		8		8		13		10		11		3		15	
		TD		TR		TD		TR		TD		TR		TD		TR		TD		TR	
		TR		15		12		8		8		13		10		11		3		15	
6	宮城県	6		V2		V2		V2		V2		V2		4	10	64	40	24	2		
		0		TD		TD		TD		TD		TD		1		TD		TR			
		9		14		13		7		14		7		13		15		3		3	
		TD		TR		TD		TR		TD		TR		TD		TR		TD		TR	
		TR		14		13		7		14		7		13		15		3		3	
		1		V2		V2		V2		V2		V2		1		1		1		0	
		TD		TR		TD		TR		TD		TR		TD		TR		TD		TR	
		9		14		13		7		14		7		13		15		3		3	
		TD		TR		TD		TR		TD		TR		TD		TR		TD		TR	
		TR		14		13		7		14		7		13		15		3		3	

技術委員会署名

平成25年度国民体育大会東北ブロック予選

成年女子フルーレ

県名	チーム勝数	個人勝数	個人突数	個人被突数	指数
宮城県	4	11	64	41	23
山形県	5	14	69	31	38
秋田県	3	11	62	41	21
岩手県	0	0	32	74	-42
青森県	1	4	37	66	-29
福島県	2	5	46	57	-11

成年女子サーブル

県名	チーム勝数	個人勝数	個人突数	個人被突数	指数
山形県	5	13	70	29	41
福島県	0	4	37	67	-30
岩手県	2	6	47	56	-9
秋田県	3	8	51	52	-1
青森県	1	4	37	62	-25
宮城県	4	10	64	40	24

成年女子2種目合計

県名	チーム勝数	個人勝数	個人突数	個人被突数	指数	順位
青森県	2	8	74	128	-54	5
秋田県	6	19	113	93	20	3
岩手県	2	6	79	130	-51	6
宮城県	8	21	128	81	47	2
山形県	10	27	139	60	79	1
福島県	2	9	83	124	-41	4

種目

フェンシング

種別	試合番号	県名	スコア			県名
成年女子フルーレ	1	宮城	0	—	3	山形
	2	岩手	0	—	3	青森
	3	秋田	3	—	0	福島
	4	山形	2	—	1	秋田
	5	青森	1	—	2	福島
	6	宮城	3	—	0	岩手
	7	秋田	1	—	2	宮城
	8	福島	3	—	0	岩手
	9	山形	3	—	0	青森
	10	青森	0	—	3	秋田
	11	宮城	3	—	0	福島
	12	岩手	0	—	3	山形
	13	青森	0	—	3	宮城
	14	秋田	3	—	0	岩手
	15	福島	0	—	3	山形
成年女子サーブル	1	山形	3	—	0	福島
	2	秋田	2	—	1	青森
	3	岩手	1	—	2	宮城
	4	福島	1	—	2	岩手
	5	青森	0	—	3	宮城
	6	山形	2	—	1	秋田

大会2日目記録

種目

フェンシング

種別	試合番号	県名	スコア			県名
少年男子フルーレ	13	秋田	0	—	3	岩手
	14	山形	1	—	2	福島
	15	青森	0	—	3	宮城
少年女子フルーレ	13	秋田	2	—	1	宮城
	14	山形	2	—	1	青森
	15	岩手	3	—	0	福島
成年女子サーブル	7	岩手	0	—	3	山形
	8	宮城	2	—	1	秋田
	9	福島	1	—	2	青森
	10	青森	1	—	2	岩手
	11	山形	2	—	1	宮城
	12	秋田	2	—	1	福島
	13	青森	0	—	3	山形
	14	岩手	1	—	2	秋田
	15	宮城	2	—	1	福島